

Bản án số: 31/2018/DS-ST

Ngày: 07-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bình Triệu

2. Ông Nguyễn Văn Sum

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lan Anh, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Sa)

Địa chỉ: 266-268 N, phường M, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim T, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần S-chi nhánh Cà Mau (văn bản ủy quyền số 160/GUQ-CNCM ngày 08/3/2018)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1981 (vắng mặt)

2.2. Ông Hoàng Văn L (chồng của bà N, vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trường Tiểu học T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Sa trình bày:*

Ngày 16/3/2013, bà Bùi Thị N và chồng là ông Hoàng Văn L (gọi chung là vợ chồng bà N) cùng Sa chi nhánh Cà Mau ký hợp đồng tín dụng số LD1307500166 vay vốn tại Sa chi nhánh Cà Mau, chi tiết như sau: Số tiền vay: 40.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất: 1,1%/tháng (cho vay góp đều, lãi không giảm theo dư nợ). Mỗi

tháng vốn và lãi trả 1.551.000 đồng, riêng kỳ thứ 36 (kỳ cuối) thanh toán 1.555.000 đồng. Biện pháp bảo đảm: Cho vay tín chấp có xác nhận, bảo lãnh của Trường Tiểu học T và Lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn Trường Tiểu học T.

Quá trình vay, vợ chồng bà N đã trả được 07 kỳ với tổng số tiền là 10.885.000 đồng. Trong đó, vốn đã trả 7.777.000 đồng, lãi đã trả 3.108.000 đồng.

Tháng 12/2013, khoản vay của vợ chồng bà N đã đến hạn thanh toán, nhưng khách hàng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ để phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày 08/3/2018, vợ chồng bà N còn nợ các khoản sau: Vốn vay 32.223.000 đồng, lãi trong hạn là 12.758.205 đồng, lãi quá hạn là 27.924.001 đồng. Tổng cộng là 72.905.206 đồng.

Nay Sa yêu cầu vợ chồng bà N thanh toán tổng số tiền 72.905.206 đồng vốn lãi và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp vợ chồng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu bên bảo lãnh là Trường Tiểu học T và Lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn Trường Tiểu học T phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, bảo lãnh với Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà T trình bày bổ sung: Trường Tiểu học T đã giao sổ bảo hiểm xã hội của bà N cho Sa quản lý. Do đó, Sa rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Trường Tiểu học T và Lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn Trường Tiểu học T phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, bảo lãnh cho bà N với Ngân hàng. Tính đến hết ngày 05/8/2018, vợ chồng bà N phải thanh toán cho Sa tổng số tiền vốn và lãi là 73.265.430 đồng, trong đó, vốn vay là 32.223.000 đồng, lãi trong hạn là 30.360.000 đồng, lãi quá hạn là 10.682.430 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là vợ chồng bà N cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trường Tiểu học T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt vợ chồng bà N và Trường Tiểu học T.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Sa rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Trường Tiểu học T và Lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn Trường Tiểu học T phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, bảo lãnh cho bà N với Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của Sa.

[3] Tuy vợ chồng bà N không có văn bản trả lời, nhưng xét các chứng cứ do Sa cung cấp, cho thấy, vào ngày 16/3/2013, Sa chi nhánh Cà Mau cùng bà N có ký hợp đồng tín dụng số LD1307500166 là thực tế có xảy ra.

[4] Sau khi vay, bà N chỉ có thanh toán cho Sa được 07 kỳ (tương ứng với 07 tháng) với tổng số tiền vốn và lãi 10.885.000 đồng (bao gồm vốn đã trả 7.777.000 đồng, lãi đã trả 3.108.000 đồng) là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù, trong Hợp

đồng tín dụng số LD1307500166 ngày 16/3/2013 chỉ có bà N và Sa ký, nhưng trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án vay lập ngày 09/3/2013, thì có chồng bà N là ông L ký cùng với bà N. Mặt khác, mục đích của hợp đồng tín dụng số LD1307500166 ngày 16/3/2013 thể hiện vay tiêu dùng. Do đó, Sa khởi kiện yêu cầu bà N và chồng là ông L cùng thanh toán nợ là có cơ sở được chấp nhận. Buộc vợ chồng bà N thanh toán khoản nợ phải trả theo hợp đồng với tổng số tiền 73.265.430 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi đồng, bao gồm: 32.223.000 đồng vốn vay, 30.360.000 đồng lãi trong hạn, 10.682.430 đồng lãi quá hạn tính đến hết ngày 05/8/2018).

[5] Kể từ ngày 06/8/2018, vợ chồng bà N còn phải thanh toán cho Sa khoản lãi suất quá hạn tính trên phần vốn vay còn nợ là 32.223.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Mức lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Do yêu cầu của Sa được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là vợ chồng bà N phải chịu án phí có giá ngạch 5% tương ứng với tổng số tiền phải thanh toán nợ. Trả lại cho Sa khoản tiền nộp tạm ứng án phí.

[7] Tại phiên tòa: Đại diện Sa có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; vợ chồng bà N và Trường Tiểu học T vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, khoản 3 điều 228, khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Án lệ số 08/2016/AL; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Bùi Thị N, ông Hoàng Văn L và Trường Tiểu học T.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc: Không yêu cầu Trường Tiểu học T và Lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn Trường Tiểu học T phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, bảo lãnh với Ngân hàng trong hợp đồng tín dụng số LD1307500166 ngày 16/3/2013 được ký kết giữa bà N và Sa.

3. Buộc bà Bùi Thị N và ông Hoàng Văn L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền vốn và lãi là 73.265.430 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi đồng).

4. Kể từ ngày 06/8/2018, vợ chồng bà N còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S khoản lãi suất quá hạn tính trên phần vốn vay còn nợ là

32.223.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Mức lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Vợ chồng bà N phải chịu 3.663.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng, tính tròn số) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

6. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S khoản tiền nộp tạm ứng án phí 1.823.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005460 ngày 08/5/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

7. Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng bà N và Trường Tiểu học T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế